

Số: 207 /QĐ-SKHCN

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế kiểm soát chỉ dẫn địa lý
“Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê Robusta;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý chuyên ngành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Quản lý chuyên ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Hiệp hội cà phê BMT;
- Lưu: VT, QLCNg (T_12b)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khoa

QUY CHẾ

Kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê
(Ban hành kèm theo Quyết định số 207/QĐ-SKHCN ngày 15/11/2021
của Sở Khoa học và Công nghệ)

CHƯƠNG I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này nhằm hướng dẫn về việc trao quyền sử dụng (bao gồm trao quyền, sửa đổi, gia hạn, bổ sung, trao lại và thu hồi quyền sử dụng) chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta của tỉnh Đắk Lắk (Sau đây gọi chung là chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột); hướng dẫn kiểm soát theo Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý, các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột do UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột: Là dấu hiệu dùng để chỉ dẫn đối với sản phẩm cà phê được sản xuất, chế biến trong vùng địa danh Buôn Ma Thuột, có các điều kiện đặc thù về địa lý tự nhiên và truyền thống sản xuất dẫn đến chất lượng sản phẩm có những đặc tính khác biệt. Vùng địa danh Buôn Ma Thuột đã được xác định trong hồ sơ sửa đổi chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

2. Kiểm soát của đơn vị quản lý: Là hệ thống kiểm soát của Sở Khoa học và Công nghệ, giao cho các phòng chuyên môn tham mưu, phối hợp cùng các cơ quan trực thuộc Sở, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm soát sản xuất, chế biến, thương mại của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Sở sẽ mời các đơn vị/cá nhân đủ điều kiện tham gia vào tổ kiểm soát và thực hiện theo kế hoạch kiểm soát.

3. Kiểm soát của tổ chức, cá nhân sử dụng: Là hệ thống kiểm soát của các tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý trong việc đảm bảo các yêu cầu đối với việc sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột. Gồm có 2 mức độ:

a) Tự kiểm soát: Do tổ chức, cá nhân được sử dụng chỉ dẫn địa lý tự thực hiện trong quá trình sản xuất, chế biến, thương mại sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột. Hồ sơ tự kiểm soát là căn cứ để cơ quan quản lý, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột thực hiện các hoạt động kiểm soát theo kế hoạch kiểm soát.

b) Kiểm soát chéo: Các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý có trách nhiệm kiểm soát lẫn nhau việc tuân thủ các quy định liên quan đến chỉ dẫn địa lý nhằm phát hiện, phản ánh kịp thời các hành vi làm tổn hại đến danh tiếng, chất lượng của sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột.

CHƯƠNG II

TRAO QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

Điều 3. Trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột tiến hành gửi hồ sơ đề nghị trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê với các tài liệu như sau:

a) Văn bản yêu cầu được sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

b) Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương II và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo Điều 4 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. Nội dung của báo cáo tự đánh giá được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này:

- Thông tin về tổ chức, cá nhân yêu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý.
- Chứng loại sản phẩm đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý, mô tả các tính chất, chất lượng đặc thù đáp ứng tại Điều 4 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.
- Mô tả điều kiện sản xuất của các tổ chức, cá nhân đề nghị trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đối với từng trường hợp sản phẩm như sau:

	Có vườn cây	Không có vườn cây
Cà phê nhân	- Đối với tổ chức: 01 Bản mô tả khu vực địa lý; Điều kiện kỹ thuật sản xuất theo nội dung của Điều 6, 7 và quy chế về ghi nhãn hàng hóa theo Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. - Đối với cá nhân: 01 Bản mô tả khu vực địa lý; Điều kiện kỹ thuật sản xuất theo nội dung của Điều 6, 7 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.	- Đối với tổ chức: + 01 Bản sao hợp đồng liên kết với tổ chức, cá nhân có vườn cây đáp ứng khu vực địa lý, các điều kiện về kỹ thuật theo nội dung của Điều 6, 7 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. + 01 Bản mô tả khu vực địa lý, các điều kiện về kỹ thuật sản xuất theo nội dung của Điều 6, 7 và quy chế về ghi nhãn hàng hóa theo Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.
Cà phê chế biến	- Đối với tổ chức, cá nhân: 01 Bản mô tả: khu vực địa lý; Điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến, đóng gói theo nội dung của Điều 6, 7, 8, 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.	- Đối với tổ chức, cá nhân: + 01 Bản sao hợp đồng mua bán cà phê nguyên liệu với tổ chức, cá nhân có vườn cây đáp ứng khu vực địa lý, các điều kiện về kỹ thuật theo nội dung của Điều 6, 7 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. + 01 Bản mô tả về điều kiện chế biến, đóng gói và ghi nhãn hàng hóa theo nội dung của Điều 8, 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

** Nếu tổ chức, cá nhân đề nghị trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho cà phê nhân và cà phê chế biến sẽ phải mô tả kết hợp của các yêu cầu trên.*

- Bản mô tả về kế hoạch, hệ thống tự kiểm soát của tổ chức, cá nhân.

- Nội dung về cam kết tuân thủ các quy chế về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

- Các tài liệu kèm theo báo cáo gồm: bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh cà phê; Bản sao chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất (hoặc giấy tờ hợp pháp có giá trị tương đương) đối với các cơ sở sơ chế, chế biến; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (nếu có); Mẫu nhãn hàng hóa của tổ chức, cá nhân (nếu có).

c) Giấy ủy quyền (nếu tổ chức, cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ được quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này.

d) Đối với các tổ chức, cá nhân không là thành viên của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, ngoài các tài liệu trên phải bổ sung: Bản sao Hợp đồng giữa chủ đơn và Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột về việc sử dụng dịch vụ kiểm soát chỉ dẫn địa lý nội bộ của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Hồ sơ được coi là hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đầy đủ các thành phần, số lượng tài liệu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

b) Người ký tên chịu trách nhiệm về nội dung trong Tờ khai phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc chủ hộ.

c) Các tài liệu phải đảm bảo từ tài liệu gốc còn hiệu lực, giá trị pháp lý tại thời điểm nộp đề nghị.

4. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Số 15A đường Trường Chinh, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thời hạn giải quyết và trả kết quả

a) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành kiểm tra thực tế nếu cần thiết.

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ cấp văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Quy chế này hoặc từ chối trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trong trường hợp từ chối trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 4. Gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tổ chức, cá nhân muốn gia hạn quyền sử dụng phải gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ trước khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng hết hạn ít nhất 45 ngày. Sau thời điểm này, tổ chức, cá nhân phải đề nghị trao quyền sử dụng mới.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn quyền sử dụng đến Sở Khoa học và Công nghệ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện).

3. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

b) Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đăng ký tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. Nội dung của báo cáo tự đánh giá được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này. *(Nếu có thay đổi loại hình sản phẩm, diện tích trồng cà phê, sản lượng sản phẩm cà phê chế biến so với hồ sơ cấp lần gần nhất).*

c) Giấy ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện (nếu không trực tiếp nộp hồ sơ) được quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết và trả kết quả

a) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành kiểm tra thực tế nếu cần thiết.

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ cấp văn bản gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý theo mẫu được quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Quy chế này hoặc từ chối gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trong trường hợp từ chối gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 5. Sửa đổi văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tổ chức, cá nhân phải đề nghị sửa đổi văn bản trao quyền sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi các thông tin về tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email.

b) Giảm loại hình sản phẩm cà phê.

c) Giảm diện tích trồng cà phê.

d) Giảm sản lượng sản phẩm cà phê chế biến.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi quyền sử dụng đến Sở Khoa học và Công nghệ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện).

3. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị sửa đổi văn bản trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

b) Bản gốc văn bản trao quyền sử dụng.

c) Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax: Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan cung cấp dịch vụ về điện thoại, fax hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Trường hợp giảm diện tích đất trồng cà phê: Bản sao hợp đồng chuyển nhượng hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất với các tổ chức, cá nhân khác hoặc các giấy tờ hợp pháp khác.

đ) Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đăng ký tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. Nội dung của báo cáo tự đánh giá được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này. *(Nếu giảm loại hình sản phẩm, diện tích trồng cà phê, sản lượng sản phẩm cà phê chế biến so với hồ sơ cấp lần gần nhất).*

e) Giấy ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện (nếu không trực tiếp nộp hồ sơ) được quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết và trả kết quả

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định hồ sơ.

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ cấp văn bản sửa đổi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý theo mẫu được quy định tại Phụ lục 04

kèm theo Quy chế này hoặc từ chối sửa đổi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trong trường hợp từ chối sửa đổi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 6. Bổ sung quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tổ chức, cá nhân phải đề nghị bổ sung quyền sử dụng trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung loại hình sản phẩm.
- b) Tăng diện tích trồng cà phê.
- c) Tăng sản lượng sản phẩm cà phê chế biến.

2. Cách thức thực hiện thủ tục:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị bổ sung quyền sử dụng đến Sở Khoa học và Công nghệ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện).

3. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị bổ sung văn bản trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

b) Bản gốc văn bản trao quyền sử dụng;

c) Trường hợp tăng diện tích đất trồng cà phê: Bản sao hợp đồng nhận chuyển nhượng hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao thêm đất hoặc hợp đồng liên kết sản xuất với các tổ chức, cá nhân khác hoặc các giấy tờ hợp pháp khác.

d) Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đăng ký tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta. Nội dung của báo cáo tự đánh giá được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này.

đ) Giấy ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện (nếu không trực tiếp nộp hồ sơ) được quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết và trả kết quả

a) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành kiểm tra thực tế nếu cần thiết.

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ cấp văn bản

bổ sung quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Quy chế này hoặc từ chối bổ sung quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trong trường hợp từ chối bổ sung quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 7. Trao lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Tổ chức, cá nhân được đề nghị cấp lại quyền sử dụng khi bị rách, nát, mất.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị trao lại quyền quyền sử dụng đến Sở Khoa học và Công nghệ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện).

3. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị trao lại văn bản trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

b) Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng bị rách, nát: Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng.

c) Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng bị mất: Văn bản cam kết của tổ chức, cá nhân cam kết giấy chứng nhận quyền sử dụng bị mất.

d) Giấy ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện (nếu không trực tiếp nộp hồ sơ).

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết và trả kết quả

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tổ chức thẩm định hồ sơ.

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ cấp văn bản trao lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Quy chế này hoặc từ chối trao lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trong trường hợp từ chối trao lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 8. Thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

1. Trường hợp thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Không tuân thủ quy trình kỹ thuật quy định tại Chương II của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

b) Sản phẩm của tổ chức, cá nhân không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

c) Sản phẩm không tuân thủ các quy chế về kiểm soát chỉ dẫn địa lý.

d) Sử dụng các logo, dấu hiệu chỉ dẫn địa lý (logo, dấu hiệu “Buôn Ma Thuột” hoặc “Buon Ma Thuot”) không đúng theo khoản 2 điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

đ) Tổ chức, cá nhân được trao văn bản trao quyền không sử dụng chỉ dẫn địa lý liên tục từ 02 năm trở lên.

e) Chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân khác.

g) Tổ chức có tư cách pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản.

h) Tổ chức, cá nhân tự nguyện chấm dứt việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.

i) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, gây ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hành vi nghiêm trọng khác có liên quan.

2. Căn cứ để tiến hành việc thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý gồm Biên bản xác nhận việc vi phạm điều kiện sản xuất cà phê Buôn Ma Thuột do cơ quan quản lý có thẩm quyền lập hoặc các chứng cứ do cơ quan giám sát cung cấp và một trong 3 văn bản sau:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.

b) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Sở quản lý chuyên ngành của tỉnh.

c) Văn bản đề nghị của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột.

3. Thủ tục thu hồi, từ chối thu hồi văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

a) Sau khi tiếp nhận tài liệu: văn bản yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, bằng chứng vi phạm,... Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh tính xác thực của các tài liệu.

b) Căn cứ xác minh mức độ vi phạm tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học

và Công nghệ sẽ tiến hành nhắc nhở (trường hợp a, b, c, d), thu hồi văn bản trao quyền (trường hợp đ, e, g, h, i). Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ trong trường hợp nhắc nhở lần 1 không khắc phục và tiến hành thu hồi khi nhắc nhở lần 2 không được tổ chức, cá nhân chấp hành.

c) Sau khi có kết quả kiểm tra, xác minh, cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý phải ra quyết định thu hồi hoặc từ chối việc thu hồi văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

d) Quyết định thu hồi phải được thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân bị thu hồi và các cơ quan liên quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi; tổ chức, cá nhân bị thu hồi phải nộp văn bản trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý về Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Trong trường hợp từ chối việc thu hồi văn bản trao quyền thì Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối thu hồi cho các bên liên quan biết.

e) Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố danh sách các tổ chức, cá nhân bị thu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng.

g) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý do vi phạm một trong các điểm tại Khoản 1 Điều này thì sau 02 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi mới được xem xét trao lại quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; hồ sơ, trình tự thủ tục trao lại được áp dụng như trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý lần đầu.

CHƯƠNG III

KIỂM SOÁT CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

Điều 9. Quy định về các nội dung kiểm soát

Các nội dung kiểm soát bao gồm:

1. Kiểm soát sự tuân thủ các quy chế về sản xuất, chế biến.
2. Kiểm soát nguồn gốc sản phẩm.
3. Kiểm soát sử dụng logo, dấu hiệu chỉ dẫn địa lý.
4. Kiểm soát chất lượng sản phẩm cuối cùng mang chỉ dẫn địa lý trong hoạt động thương mại và các nội dung khác có liên quan.

Điều 10. Kế hoạch kiểm soát

1. Kế hoạch kiểm soát là quy định chi tiết về các yếu tố kiểm soát, tài liệu, nội dung kiểm soát, phân định vai trò kiểm soát giữa cơ quan quản lý chỉ dẫn địa

lý, các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Quy chế này.

2. Kế hoạch là cơ sở để tiến hành các hoạt động kiểm soát, phối hợp và kiểm tra quá trình thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

3. Kế hoạch kiểm soát phải chi tiết về phân cấp kiểm soát, ai kiểm soát yếu tố nào và tần suất kiểm soát ở mỗi mức độ. Kế hoạch kiểm soát được Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tiến hành xây dựng và thống nhất ban hành hàng năm.

Điều 11. Tài liệu sử dụng trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý

1. Tài liệu kiểm soát về quy trình kỹ thuật

a) Sổ nhật ký sản xuất, chế biến chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột: là sổ ghi chép tất cả các nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân về giống, vị trí khu vực sản xuất, hoạt động chăm sóc, thu hái, bảo quản, chế biến, đóng gói và sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý.

b) Sổ nhật ký sẽ do tổ chức, cá nhân sử dụng ghi chép và theo dõi theo từng lô sản xuất, cũng là tài liệu để cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột tiến hành kiểm tra, đánh giá. Nội dung sổ nhật ký sản xuất do Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hướng dẫn.

c) Tổ chức, cá nhân có thể lồng ghép sổ nhật ký vào các hồ sơ theo dõi quy trình sản xuất, chế biến có sẵn như: hồ sơ theo dõi VietGap, 4C, UTZ, FLO,...

2. Tài liệu kiểm soát về chất lượng

a) Kiểm soát màu sắc, mùi, vị: là chuyên gia đánh giá chất lượng, được cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý mời để đánh giá chất lượng sản phẩm **khi cần thiết**. Yêu cầu về tiêu chuẩn chuyên gia, nguyên tắc tổ chức và hình thức đánh giá được quy định trong Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

b) Kiểm soát các chỉ tiêu lý, hóa: là phiếu kết quả phân tích chỉ tiêu lý, hóa của sản phẩm tại các cơ quan được nhà nước cấp giấy phép hoặc các cơ sở phân tích được cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý chỉ định.

3. Tài liệu kiểm soát để truy xuất nguồn gốc

a) Mã số sản phẩm là công cụ, cũng như dấu hiệu để truy xuất nguồn gốc của sản phẩm. Mã số sẽ được đặt trên sản phẩm khi đưa ra thị trường.

b) Quy định về đánh mã số sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý do Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hướng dẫn.

Điều 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý

1. Hoạt động kiểm soát về quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến, chất lượng cảm quan, sử dụng mã số sản phẩm, nhãn hàng hóa được thực hiện thông qua hình thức nhật ký ghi chép và quan sát thực tế.

2. Trong trường hợp cần thiết, khi có dấu hiệu vi phạm, khiếu nại thì hoạt động kiểm tra, đánh giá các yếu tố về chất lượng sẽ dùng phương pháp đánh giá chuyên gia (đối với chỉ tiêu chất lượng cảm quan), phân tích chỉ tiêu lý hóa (đối với chỉ tiêu chất lượng lý, hóa).

Điều 13. Quy định chi tiết về hoạt động kiểm soát, tài liệu kiểm soát

1. Quy định kiểm soát về yêu cầu kỹ thuật sản xuất

a) Đối với sản phẩm cà phê nhân

(i) Giống: Gồm các giống thuộc nhóm Robusta.

(ii) Quy trình chăm sóc, thu hái:

- *Tạo hình cắt cành*: tạo hình cắt cành 2 lần/năm.

+ Lần 1: Từ tháng 12 đến cuối tháng 1 năm sau (sau khi thu hoạch).

+ Lần 2: Từ tháng 7 đến giữa tháng 8 (giữa mùa mưa).

- *Trồng cây chắn gió và cây che bóng*:

+ Trồng cây chắn gió sao cho cản được hướng gió chính trong mùa khô (gió Đông Bắc).

+ Trồng cây che bóng sao cho che được 20-30% ánh sáng mặt trời.

+ Trồng cây che bóng lâu năm có thể đóng vai trò như cây chắn gió.

- *Bón phân*:

+ Phân vô cơ: 4 lần vào các đợt: tháng 2-3, tháng 5-6, tháng 7-8 và tháng 9-10.

+ Phân hữu cơ: 1 lần vào tháng 5-6.

+ Bón phân cân đối, đảm bảo cây cà phê cho năng suất cao, chất lượng tốt.

- *Tưới nước mùa khô*:

+ Đối với cây cà phê dưới 3 năm tuổi: 20 đến 25 ngày tưới 1 lần, mỗi lần khoảng từ 300 đến 350 lít /cây vào mùa khô.

+ Đối với cà phê đã cho thu hoạch: cứ 20 đến 25 ngày tưới 1 lần, mỗi lần tưới khoảng từ 500 đến 550 lít /cây vào mùa khô.

- *Thu hoạch*:

+ Thời gian: Từ tháng 10 đến tháng 01 năm sau.

+ Thu hoạch: Thu hoạch làm nhiều đợt để chọn quả cà phê có phần vỏ chín không nhỏ hơn 2/3 diện tích mặt quả. Tỷ lệ chín/mẻ chế biến từ 80% trở lên.

+ Vận chuyển, bảo quản quả tươi: Quả cà phê sau khi thu hoạch phải được chuyên chở kịp thời về cơ sở chế biến, không được để quá 24 giờ. Trường hợp không vận chuyển hay không kịp chế biến, quả cà phê phải được để trên nền khô ráo, thoáng mát và không được đổ đống dày quá 40 cm.

(iii) Sơ chế, đóng gói và bảo quản:

- Sơ chế bằng các phương pháp chế biến khô, ướt và nửa ướt; độ ẩm khoảng từ 12 - 12,5%.

- Phân loại và đóng bao đúng quy cách, bảo quản cách ẩm, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

- Bao bì đựng cà phê quả và phương tiện vận chuyển phải sạch.

(iv) Tài liệu kiểm tra:

- Sổ ghi chép về quy trình trồng, sản xuất cà phê mang chỉ dẫn địa lý.

- Đánh giá cảm quan Quan sát thường các phương pháp sơ chế và bảo quản.

b) Đối với sản phẩm cà phê chế biến

(i) Điều kiện bảo quản, chế biến:

- Giấy đăng ký kinh doanh.

- Cơ sở chế biến đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xác nhận công bố hợp quy (nếu có).

(ii) Công nghệ chế biến: Kiểm tra máy móc, trang thiết bị so với công nghệ đăng ký.

iii) Tài liệu kiểm tra: Kiểm tra thực tế dựa bằng cảm quan và hệ thống sổ ghi chép, cụ thể:

- Sổ ghi chép về hoạt động sơ chế - chế biến sản phẩm cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột và cà phê hòa tan nguyên chất mang chỉ dẫn địa lý.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Giấy chứng nhận hợp quy (nếu có).

2. Kiểm soát về nguồn gốc của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

a) Nội dung kiểm tra nguồn gốc đối với cà phê nhân

Sản phẩm được sản xuất, sơ chế từ nguồn nguyên liệu quả cà phê trong

khu vực chỉ dẫn địa lý được bảo hộ;

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Diện tích, khối lượng cà phê sản xuất (đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng cà phê được cấp quyền sử dụng).

- Hợp đồng thu mua cà phê (đối với tổ chức, cá nhân sơ chế, chế biến sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột). Đối chiếu sản lượng thu mua, sản lượng đăng ký và sản lượng sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

Tài liệu kiểm tra:

- Sổ ghi chép quy trình trồng sản xuất của tổ chức, cá nhân sản xuất nguyên liệu cà phê nhân.

- Hợp đồng mua bán nguyên liệu giữa Doanh nghiệp/Hợp tác xã với các tổ chức, cá nhân sản xuất cà phê nhân nằm trong khu vực bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột. *(Chỉ kiểm tra đối với những tổ chức, cá nhân thu mua nguyên liệu)*

b) Kiểm tra nguồn gốc đối với cà phê chế biến

- Sản phẩm cà phê hạt rang, cà phê bột và cà phê hòa tan nguyên chất được chế biến từ quả cà phê được trồng tại vùng địa lý được bảo hộ và đảm bảo tiêu chuẩn.

- Tỷ lệ nguyên liệu cà phê Buôn Ma Thuột đem vào chế biến không nhỏ hơn 70%.

- Hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đảm bảo chất lượng từ vùng địa lý được bảo hộ.

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra sản phẩm xem có đúng là sản phẩm được sản xuất khu vực địa lý được bảo hộ chỉ dẫn địa lý hay không;

- Kiểm tra nguồn nguyên liệu đầu vào xem có đáp ứng về yêu cầu bảo hộ hay không.

Tài liệu kiểm tra:

- Hợp đồng mua bán nguyên liệu.

- Sổ ghi chép quy trình trồng, sản xuất cà phê mang chỉ dẫn địa lý

3. Kiểm soát chất lượng sản phẩm cuối cùng

a) Nguyên tắc kiểm tra về đặc tính chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

(i) Nguyên tắc hậu kiểm: Tổ chức kiểm tra khi tổ chức, cá nhân được cấp

giấy chứng nhận Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý bán sản phẩm ra thị trường (sản phẩm đã được đóng bao bì, gắn nhãn mác theo quy định).

(ii) Đối với sản phẩm cà phê hạt rang, cà phê bột và cà phê hòa tan nguyên chất có thể thực hiện theo cả nguyên tắc hậu kiểm và nguyên tắc tiền kiểm (tổ chức kiểm tra trước và sau khi sản phẩm được đóng gói).

b) Chỉ tiêu chất lượng kiểm tra

(i) Cà phê nhân:

- *Chỉ tiêu cảm quan*

+ Màu: Xanh xám, xanh lục hoặc xám lục nhạt

+ Kích thước hạt: Dài 10-11mm, rộng 6-7 mm và độ dày 3- 4 mm

- *Chỉ tiêu hóa học*

+ Hàm lượng Cafein (%): 2,0 - 2,2.

(ii) Cà phê hạt rang, cà phê bột

- *Chỉ tiêu cảm quan*

+ Màu sắc: màu nâu.

+ Hậu Vị: ngọt thanh, không chát

- *Chỉ tiêu hóa học*

+ Hàm lượng Cafein (%): 2,02 - 2,47.

+ Hàm lượng đường tổng số (%): 1,16 - 3,28.

(iii) Cà phê hòa tan nguyên chất

- *Chỉ tiêu cảm quan*

+ Màu sắc: nâu.

- *Chỉ tiêu hóa học*

+ Hàm lượng Cafein (%): 2,02 - 3,60.

iv) Tài liệu kiểm tra:

- Kiểm tra cảm quan nước pha Quan sát thường, thử nếm bằng vị giác.

- Trong trường hợp không đạt yêu cầu cảm quan sẽ gửi mẫu phân tích chất lượng lý hóa: Mẫu được phân tích ở các cơ quan phân tích có chức năng và đủ điều kiện phân tích đối với sản phẩm cà phê (*chỉ thực hiện khi có sự thống nhất về kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu cảm quan của Hiệp hội và đơn vị quản lý*). Kinh phí phân tích sẽ do tổ chức, cá nhân được kiểm soát chi trả.

4. Kiểm soát việc sử dụng nhãn hàng hoá, bao bì

a) Quy định về sử dụng nhãn hàng hoá, bao bì chỉ dẫn địa lý

- Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có quyền sử dụng đồng thời chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu cá nhân trên nhãn hàng hóa của mình, việc sử dụng nhãn hiệu cá nhân theo các quy định của Pháp luật. Tổ chức quản lý không chịu trách nhiệm về việc sử dụng nhãn hiệu cá nhân của các tổ chức, cá nhân.

- Đối tượng được gắn nhãn hàng hoá chỉ dẫn địa lý bao gồm: Vỏ hộp, bao bì chứa sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; Trên các biển hiệu, biển quảng cáo của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng; Tờ rơi, tiêu đề thư, danh thiếp, phong bì, sổ sách và các tài liệu khác.

- Ghi nhãn hàng hóa: Thông tin trên nhãn hàng hóa phải được ghi theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Ghi nhãn hàng hóa (*hoặc các văn bản thay thế, nếu có*). Nhãn hàng hóa của các tổ chức, cá nhân sử dụng để gắn trên sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý phải có các thông tin sau:

+ Logo chỉ dẫn địa lý.

+ Tên sản phẩm: có thể sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt hoặc cả hai.

+ Thông tin về tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

b) Nội dung kiểm tra:

- Đánh giá về nội dung, quy cách của nhãn hàng hóa, bao bì của tổ chức, cá nhân so với quy định.

- Kiểm tra về việc tuân thủ ghi thông tin trên bao bì, nhãn hàng hóa.

Tài liệu kiểm tra: Kiểm tra thực tế, đối chiếu với các quy định về ghi nhãn, sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

Điều 14. Quy định về Tổ chức kiểm soát

1. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị chủ trì, có trách nhiệm phối hợp cùng Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột xây dựng kế hoạch, thành lập Tổ kiểm soát và kiểm soát tổng thể hoạt động quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý (Bao gồm cả việc kiểm soát hệ thống kiểm soát của của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột và kiểm soát các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý).

2. Tổ kiểm soát bao gồm các đơn vị/cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ mời tham gia kiểm soát và đảm bảo đúng với các yêu cầu quy định trong Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

Điều 15. Quy định về trình tự, thủ tục kiểm soát

1. Hoạt động kiểm soát của Sở Khoa học và Công nghệ

Hoạt động kiểm soát của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo kế hoạch (1 lần/1 năm) hoặc đột xuất được tổ chức khi có khiếu nại; có dấu hiệu vi phạm các quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý.

a) Kiểm soát định kỳ

Hoạt động này bao gồm cả việc kiểm tra hoạt động kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột và mức độ chấp hành các quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột. Hoạt động kiểm soát được thực hiện theo kế hoạch kiểm soát được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột về nội dung, phương án, nhân sự tiến hành kiểm tra, kiểm soát.

b) Kiểm tra, kiểm soát đột xuất

Hoạt động kiểm tra đột xuất được thực hiện trong những trường hợp sau:

- Có dấu hiệu nghi ngờ về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý.

- Phát hiện hành vi vi phạm hoặc nhận được thông tin khiếu nại tố cáo có hành vi vi phạm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định trong Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

- Đơn vị/cá nhân được mời kiểm soát, đánh giá: là đơn vị/cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ mời nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ trong việc sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đơn vị kiểm soát/chuyên gia được mời phải có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra, đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động kiểm soát.

2. Lấy mẫu giám định về chất lượng

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá trường hợp nếu có nghi ngờ về chất lượng hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá, đoàn kiểm tra sẽ tiến hành lấy mẫu tem, mẫu nhãn hàng hoá, mẫu sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột... để gửi cơ quan chức năng giám định về chất lượng. Trình tự lấy mẫu giám định chất lượng như sau:

- a) Lấy mẫu theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên, số lượng sao cho đủ để giám định các chỉ tiêu cần kiểm tra. Mẫu lấy được chia làm 03 đơn vị: 01 đơn vị gửi đi giám định, 01 đơn vị được lưu tại cơ quan kiểm tra, 01 đơn vị lưu tại tổ chức, cá nhân được lấy mẫu.

- b) Mẫu sau khi lấy phải được niêm phong có chữ ký của người giao,

người nhận mẫu và lập biên bản lấy mẫu.

c) Mẫu phải được gửi đến phòng thử nghiệm chất lượng thuộc cơ quan giám định có đủ năng lực để thử nghiệm, giám định các chỉ tiêu chất lượng hoặc các thông số theo yêu cầu. Kết quả thử nghiệm của cơ quan giám định là căn cứ để Đoàn kiểm tra và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý xử lý tiếp trong quá trình kiểm tra, đánh giá.

d) Tổ chức, cá nhân được lấy mẫu giám định phải chi trả khoản kinh phí lấy mẫu và giám định mẫu nếu sản xuất, kinh doanh sản phẩm không đảm bảo mức chất lượng theo quy định.

đ) Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả giám định mẫu cho tổ chức, cá nhân được lấy mẫu giám định.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý chỉ dẫn địa lý, nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý, đấu tranh chống các hành vi xâm phạm quyền chỉ dẫn địa lý được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc bao che cho các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm, xâm phạm danh tiếng chỉ dẫn địa lý thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, vi phạm về chất lượng sản phẩm hoặc xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội, làm ảnh hưởng đến danh tiếng, chất lượng và uy tín sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện của đơn vị quản lý được đảm bảo từ nguồn kinh phí hàng năm của Nhà nước phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Tổ chức thực hiện và báo cáo

Kết thúc đợt kiểm soát, Tổ kiểm soát có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả và những đề xuất kiến nghị với cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý theo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu./.

Phụ lục 1**Tờ khai đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật**

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TRAO QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ BUÔN MA THUẬT <u>Kính gửi:</u> Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk Tổ chức, cá nhân dưới đây yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk xem xét đơn và trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật	DẤU NHẬN HỒ SƠ (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ) Cán bộ nhận hồ sơ (ký và ghi rõ họ tên)								
① ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ (Tổ chức, cá nhân yêu cầu trao quyền sử dụng) Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:..... Website: Email:									
② NỘI DUNG YÊU CẦU ☐ Trao quyền sử dụng (cấp mới) ☐ Trao quyền sử dụng (gia hạn) ☐ Trao quyền sử dụng (sửa đổi) ☐ Trao quyền sử dụng (bổ sung) ☐ Trao quyền sử dụng (cấp lại)									
③ PHÂN MÔ TẢ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ 1. Sản phẩm đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%;">☐ Cà phê nhân</td> <td>Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg</td> </tr> <tr> <td>☐ Cà phê hạt rang nguyên hạt</td> <td>Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg</td> </tr> <tr> <td>☐ Cà phê bột</td> <td>Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg</td> </tr> <tr> <td>☐ Cà phê hòa tan nguyên chất</td> <td>Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg</td> </tr> </table> 2. Mô tả sản phẩm đăng ký sử dụng: (đối chiếu sản phẩm của tổ chức, cá nhân với tiêu chí sản phẩm quy định tại Điều 4 Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật): 2.1. Cà phê nhân - Mô tả khu vực trồng, thu mua (bao gồm khu vực sản xuất, khu vực thu mua, diện tích, sản lượng tương ứng và khả năng truy xuất nguồn gốc): - Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan: - Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học: 2.2. Cà phê hạt rang - Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan: - Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học: - Mô tả các loại nguyên liệu, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng: 2.3. Cà phê bột - Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan: - Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học:		☐ Cà phê nhân	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg	☐ Cà phê hạt rang nguyên hạt	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg	☐ Cà phê bột	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg	☐ Cà phê hòa tan nguyên chất	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg
☐ Cà phê nhân	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg								
☐ Cà phê hạt rang nguyên hạt	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg								
☐ Cà phê bột	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg								
☐ Cà phê hòa tan nguyên chất	Sản lượng đảm bảo đăng ký: kg								

- Mô tả các loại nguyên liệu, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng:

2.4. Cà phê hòa tan nguyên chất

- Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan:

- Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học:

- Mô tả các loại nguyên liệu, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng:

3. Phương án sử dụng bao bì, nhãn mác:

④ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Tài liệu tối thiểu:

☐ Tờ khai, gồm trang x 01 bản

☐ Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đăng ký với quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta.

☐ Phiếu phân tích đặc tính các sản phẩm cà phê đăng ký sử dụng (Nếu có)

Bản sao giấy tờ sản xuất, kinh doanh cà phê:

☐ Giấy phép kinh doanh (đối với tổ chức)

☐ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có)

☐ Quyết định giao đất trồng cà phê (nếu có)

☐ Danh sách nông hộ liên kết sản xuất (đối với tổ chức)

☐ Hợp đồng mua cà phê nhân (bắt buộc với đơn vị chế biến)

☐ Các giấy tờ hợp pháp khác

☐ Thuyết minh công nghệ sử dụng (nếu có)

Tài liệu khác:

☐ Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

☐ Giấy ủy quyền

☐ Các Giấy tờ liên quan khác:

KIỂM TRA DANH MỤC

☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐
☐

(ký và ghi rõ họ tên)

⑤ PHẦN MÔ TẢ YÊU CẦU GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CẤP LẠI QUYỀN SỬ DỤNG

1. Số giấy chứng nhận đã cấp:

2. Nội dung yêu cầu gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyền sử dụng:

⑥ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

☐ Tờ khai, gồm trang x 01 bản

Tài liệu khác

☐ Bản photo giấy chứng nhận đã cấp

☐ Mẫu nhãn, bao bì... sửa đổi

☐ Mô tả các nội dung thay đổi khác

☐ Tài liệu bổ trợ khác (nếu có)

KIỂM TRA DANH MỤC

☐
☐
☐
☐
☐

⑦ CAM KẾT

Sau khi được trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta, chúng tôi cam kết:

1) Chấp hành nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đối với sản phẩm cà phê Robusta, do UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành và các quy định pháp luật khác;

2) Phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”;

3) Không thực hiện các hành vi làm giảm chất lượng và thay đổi tính chất đặc thù của sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột;

4) Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ trong nội bộ để đảm bảo chất lượng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” của cơ sở tôi (chúng tôi), góp phần gìn giữ và phát triển danh tiếng, giá trị, hình ảnh thương hiệu cho cà phê Buôn Ma Thuột;

5) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng tham gia giám sát, kiểm tra cà phê có chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Khai tại:ngày.....tháng.....năm.....
Chữ ký, họ tên của đại diện tổ chức, cá nhân
(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

Phụ lục 2**Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP SỬ DỤNG
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT**

Họ và tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:.....

Website:

Email:

1. Chứng loại sản phẩm đăng ký chỉ dẫn địa lý☐ Cà phê nhân☐ Cà phê hạt rang☐ Cà phê bột☐ Cà phê hòa tan nguyên chất**2. Phương thức thu mua nguyên liệu****2.1. Hình thức thu mua cà phê nguyên liệu**☐ Hợp đồng với HTX, tổ chức tập thể của người trồng cà phê☐ Hợp đồng với công ty/thương lái thu mua☐ Thu mua tự do, không theo hợp đồng**2.2. Nguồn thu mua cà phê nguyên liệu**☐ Trong huyện, thị xã, thành phố nơi đóng trụ sở☐ Trong tỉnh☐ Ngoài tỉnh☐ Nhập khẩu**3. Điều kiện sản xuất****3.1. Đối với cơ sở sản xuất cà phê nhân**

1) Địa bàn sản xuất (đối với tổ chức có trồng cà phê):

2) Địa điểm sơ chế:

3) Sản lượng sản phẩm dự kiến (tấn/năm).....

4) Sản lượng dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột:

5) Chứng loại sản phẩm:

6) Thị trường tiêu thụ (dự kiến).....

7) Số tháng hoạt động trong năm.....tháng

8) Các công đoạn thực hiện tại cơ sở:

☐ Trồng cà phê☐ Bóc vỏ, sơ chế☐ Phân loại cà phê thóc☐ Xay xát☐ Phân loại cà phê nhân☐ Đóng gói☐ Gắn nhãn, mác☐ Xuất khẩu trực tiếp☐ Xuất khẩu ủy thác☐ Khác:

9) Công nghệ sử dụng: *(Cơ sở mô tả công nghệ sử dụng chủ yếu trong sản xuất cà phê nhân: Phương pháp chế biến (khô/ướt/nửa ướt), sấy, bóc vỏ, phân loại, đóng gói...kèm thuyết minh công nghệ sử dụng, nếu có).*

10) Mẫu bao bì, tem, nhãn hàng hóa sử dụng: *(hình ảnh các mẫu bao bì, nhãn mác được sử dụng của doanh nghiệp, cơ sở).*

3.2. Đối với cơ sở sản xuất rang xay cà phê

- 1) Địa bàn sản xuất (đối với tổ chức có trồng cà phê):
- 2) Địa điểm chế biến:
- 3) Sản lượng sản phẩm dự kiến (tấn/năm).....
- 4) Sản lượng dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật: ...
- 5) Chứng loại sản phẩm:
- 6) Thị trường tiêu thụ (dự kiến).....
- 7) Các công đoạn thực hiện tại cơ sở:

☐ Trồng cà phê

☐ Bóc vỏ, sơ chế

☐ Phân loại cà phê thóc

☐ Xay xát

☐ Phân loại cà phê nhân

☐ Rang xay cà phê

☐ Gắn nhãn, mác

☐ Xuất khẩu trực tiếp

☐ Xuất khẩu ủy thác

☐ Bán trực tiếp cà phê rang xay ra thị trường

☐ Khác.....

8) Công nghệ đang sử dụng:

Cơ sở mô tả công nghệ sử dụng chủ yếu trong xử lý nguyên liệu, rang xay, đóng gói và các tiêu chuẩn chất lượng áp dụng tại cơ sở/doanh nghiệp đối với sản phẩm rang xay.

9) Mẫu bao bì, tem, nhãn hàng hóa sử dụng: *(hình ảnh các mẫu bao bì, nhãn mác được sử dụng của doanh nghiệp, cơ sở)*

4. Thực trạng thương mại sản phẩm

4.1. Liệt kê chủng loại sản phẩm của cơ sở đang sản xuất (loại sản phẩm: các loại cà phê nhân, các loại cà phê rang, các loại cà phê bột,)

Loại sản phẩm	Tên chủng loại sản phẩm	Hình thức bao gói
Cà phê nhân		
Cà phê rang		
Cà phê bột		
Cà phê hòa tan nguyên chất		
Khác (nếu có)		

4.2. Hình thức bán sản phẩm của cơ sở, doanh nghiệp:

- ☐ Xuất khẩu, Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%

☐ Bán buôn, Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%

☐ Bán lẻ, Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%

4.3. Văn phòng đại diện/cửa hàng, đại lý:

TT	Tên Cửa hàng /đại lý /Văn phòng đại diện /chi nhánh	Họ và tên người quản lý	Địa chỉ/điện thoại	Tổng lượng sản phẩm	Quy cách đóng gói
1					
2					
3					

5. Hệ thống truy xuất nguồn gốc

Hồ sơ ghi chép hệ thống truy xuất nguồn gốc của cơ sở đang thực hiện theo:

- ☐ 4C ☐ UTZ
☐ HACCP ☐ ISO.....
☐ Tiêu chuẩn quốc tế khác (ghi rõ: Fairtrade,...):
☐ Tự cơ sở xây dựng (mô tả):

6. Phương án sử dụng tem, nhãn, bao bì chỉ dẫn địa lý (nếu đăng ký tem, nhãn, bao bì chung)

- 6.1. Sản lượng cà phê nhân dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm: kg
 6.2. Sản lượng cà phê hạt rang dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm: kg
 6.3. Sản lượng cà phê bột dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm:kg
 6.4. Sản lượng cà phê hòa tan nguyên chất dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm:.....kg

Khai tại:..... ngày..... tháng.....năm

*Chữ ký, họ tên của đại diện tổ chức, cá nhân
(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

Phụ lục 3
Giấy ủy quyền
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại ..., chúng tôi gồm có:

1. Bên Ủy quyền

- Tên Tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ:
- MSDN/Số CMND/CCCD/HC Ngày cấp Cơ quan cấp
- Điện thoại: Fax:
- Website: Email:

2. Bên Nhận Ủy quyền

- Tên Tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ:
- MSDN/Số CMND/CCCD/HC Ngày cấp Cơ quan cấp
- Điện thoại: Fax:
- Website: Email:

Bằng văn bản ủy quyền này, Tổ chức/cá nhân được ủy quyền được toàn quyền đại diện cho bên ủy quyền nộp các giấy tờ cần thiết, ký các chứng từ cho việc: (đánh dấu “X” và ô thích hợp)

- ☐ Yêu cầu trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuật: (Nêu rõ hình thức mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại)
- ☐ Yêu cầu sửa đổi hồ sơ
- ☐ Yêu cầu sửa đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý
- ☐ Yêu cầu sửa đổi/cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

BÊN ỦY QUYỀN
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Xác nhận của Tổ chức công chứng
hoặc chính quyền địa phương
(trong trường hợp Bên Ủy quyền là cá nhân)

Phụ lục 4
Giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

PEOPLE'S COMMITTEE OF DAKLAK PROVINCE
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ
CERTIFICATE
OF THE RIGHT TO USE A GEOGRAPHICAL INDICATION

Số: /CN-SKHCN
 N⁰: /CN-SKHCN

Chỉ dẫn địa lý: BUÔN MA THUẬT

Geographical Indication: BUON MA THUOT

Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý:

Geographical Indication Product:

Tổ chức được trao quyền sử dụng:

Authorized user:

Địa chỉ:

Address:

Cấp theo quyết định số: /QĐ-SKHCN, ngày tháng năm 20

Granted by Decision N⁰: /QĐ-SKHCN, year 20

Ngày đầu tiên của giấy chứng nhận:

The first date of certificate:

Thời gian hiệu lực: đến ngày tháng năm 20

Period of validity: to year 20

Mã số: C-DLGI

Code: C-DLGI

Đắk Lắk, ngày tháng năm 20...

Dak Lak Province 20...

DIRECTOR

Phụ lục 5**Kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuật” đối với sản phẩm cà phê****1. Mối quan hệ giữa Kiểm soát của tổ chức tập thể và Kiểm soát của đơn vị quản lý**

#		Kiểm soát của tổ chức tập thể		Kiểm soát của đơn vị quản lý	
<i>Đối tượng chịu kiểm soát</i>	<i>Kiểu kiểm soát</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Người thực hiện</i>
Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật	Giám sát	/	/	Theo đợt kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia
Hội viên Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật sản xuất cà phê nhân	Kiểm soát	1 lần/năm hoặc đợt xuất	Hiệp hội	1 lần/năm hoặc đợt xuất (tối thiểu 20%/ danh sách Hiệp hội kiểm soát)	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia
Hội viên Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật sản xuất cà phê hạt rang, cà phê bột và cà phê hòa tan nguyên chất	Kiểm tra	1 lần/năm hoặc đợt xuất	Hiệp hội		
Tổ chức, cá nhân sản xuất cà phê nhân sử dụng dịch vụ kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật	Kiểm soát	1 lần/năm hoặc đợt xuất	Hiệp hội		
Tổ chức, cá nhân sản xuất cà phê hạt rang, cà phê bột và cà phê hòa tan nguyên chất sử dụng dịch vụ kiểm soát của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuật	Kiểm tra	1 lần/năm hoặc đợt xuất	Hiệp hội		

2. Các nội dung, tần suất và bộ phận kiểm soát

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
ĐTT1	Vùng địa lý	Xác định vùng sản xuất cà phê nằm trong khu vực địa lý được bảo hộ	TKS	Các lô/thửa nằm trong vùng địa lý	Tại thời điểm trồng	Nhà SX	Tài liệu, Quan sát	Danh sách các xã thuộc vùng CDDL cà phê Buôn Ma Thuột
			TCTT	Kiểm tra tài liệu và Quan sát về vị trí các lô thửa và các cơ sở chế biến, đóng gói và về sự tuân thủ vùng địa lý	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Tài liệu, Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra tài liệu và Quan sát về vị trí các lô thửa và các cơ sở chế biến, đóng gói và về sự tuân thủ vùng địa lý	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Tài liệu, Quan sát	
ĐTT2	Giống và tiêu chuẩn giống	Giống robusta (vôi)	TKS	Sử dụng giống theo đúng Bản mô tả CDDL Cà phê Buôn Ma Thuột	Lúc trồng mới	Nhà SX	Tài liệu, Quan sát	Quy trình chọn giống
			KSNB	Kiểm tra tài liệu và Quan sát về giống được sử dụng.	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Tài liệu	Nhật ký SX
			ĐVQL	Kiểm tra tài liệu và Quan sát về giống được sử dụng.	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên	Tài liệu	Hóa đơn mua cà phê giống hoặc chứng minh nguồn gốc

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
						gia		
ĐTT3	Trồng cây đai rừng, cây che bóng, cây trồng xen	- Đai rừng chắn gió - Cây che bóng tầng cao - Trồng xen cây họ đậu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp đặc sản.	TKS	Sự tuân thủ trồng cây đai rừng chắn gió, che bóng và trồng xen theo Bản mô tả CDĐL Cà phê Buôn Ma Thuật	Lúc trồng	Nhà SX	Tài liệu, Quan sát	Nhật ký SX
			KSNB	Kiểm tra Quan sát và tài liệu	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Tài liệu, Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát và tài liệu	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Tài liệu, Quan sát	
ĐTT4	Chăm sóc	- Làm cỏ - Bón phân - Tưới nước - Tạo hình	TKS	Sự tuân thủ kỹ thuật chăm sóc	Thường xuyên	Nhà SX	Tài liệu, Quan sát	Nhật ký SX
			KSNB	Kiểm tra Quan sát và tài liệu về sự tuân thủ kỹ thuật và chăm sóc	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Tài liệu, Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát và tài liệu về sự tuân thủ kỹ thuật và chăm sóc	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Tài liệu, Quan sát	

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
ĐTT5	Phòng trừ sâu bệnh hại	- Rệp sáp - Rỉ sắt - Một đực cánh - Sâu đục thân - Bệnh vàng lá thối rễ - Bệnh nấm hồng	TKS	Ghi chép về Phòng trừ sâu bệnh hại	Thường xuyên	Nhà SX	Tài liệu	Nhật ký SX
			KSNB	Kiểm tra Quan sát và tài liệu về sự tuân thủ phương pháp Phòng trừ sâu bệnh hại.	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Tài liệu, Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát và tài liệu về sự tuân thủ phương pháp Phòng trừ sâu bệnh hại.	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Tài liệu, Quan sát	
ĐTT6	Thu hoạch	- Kỹ thuật thu hoạch: Hái bằng tay và thu hái nhiều lần (trên 2 lần) - Khuyến nghị tỷ lệ quả chín của sản phẩm thu hoạch: quả chín $\geq$ 80%.	TKS	Tuân thủ điều kiện và kỹ thuật thu hái theo Bản mô tả CDĐL Cà phê Buôn Ma Thuột	Khi thu hoạch	Nhà SX	Quan sát	Nhật ký SX
			KSNB	Kiểm tra Quan sát về điều kiện và thực hành hái cà phê trên thực địa	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát về điều kiện và thực hành hái cà phê trên thực địa	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Quan sát	
ĐTT7	Bảo quản cà phê	- Thời gian bảo quản	TKS	Tuân thủ điều kiện và kỹ thuật bảo quản đã định	Sau khi thu hoạch	Nhà SX	Quan sát	Nhật ký SX

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
	tươi	- Vận chuyển - Bao bì	KSNB	Kiểm tra Quan sát về điều kiện và thực hành bảo quản cà phê trên thực địa	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Quan sát	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát về điều kiện và kỹ thuật bảo quản cà phê	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Quan sát, Hồ sơ	
ĐTT8	Công nghệ chế biến	- Công nghệ sử dụng; - Hồ sơ đủ điều kiện sản xuất; - Tiêu chuẩn cơ sở	TKS	Tuân thủ điều kiện và kỹ thuật cho chế biến	Trong quá trình chế biến	Nhà SX	Quan sát	Nhật ký sản xuất, chế biến
			KSNB	Kiểm tra Quan sát về điều kiện sản xuất, chế biến	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Quan sát, Hồ sơ cơ sở đủ điều kiện VSATTP	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát về điều kiện và kỹ thuật bảo quản cà phê	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Quan sát, Hồ sơ	

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
ĐTT9	Nguồn gốc nguyên liệu	- Hồ sơ theo dõi nguồn gốc sản phẩm; - Tỷ lệ sử dụng	TKS	- Sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực được bảo hộ; - Có khả năng truy xuất nguồn gốc	Hồ sơ theo dõi quá trình sử dụng nguyên liệu	Nhà SX	Hồ sơ	Nhật ký theo dõi sản xuất, chế biến
			KSNB	- Sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực được bảo hộ; - Có khả năng truy xuất nguồn gốc; - Kiểm tra ghi chép thông tin từ hộ	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Quan sát, Hồ sơ cơ sở đủ điều kiện vệ sinh	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát và hồ sơ theo dõi nguồn gốc	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Quan sát; Hồ sơ	
ĐTT10	Hình thức bao gói, sử dụng nhãn hàng hóa	- Chất lượng cảm quan và lý hóa sản phẩm sử dụng; - Quy cách sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý theo quy định	TKS	- Tuân thủ điều kiện về sản phẩm được sử dụng CDDL, - Sử dụng dấu hiệu nhận diện đúng quy định,	Trong quá trình chế biến	Nhà SX	Quan sát, Kiểm định	Nhật ký chế biến
			KSNB	Kiểm tra Quan sát,	100% các nhà SX/ năm	Hiệp hội	Quan sát, Ý kiến	

Mã	Nội dung cần kiểm soát	Giá trị mục tiêu	TKS TCTT ĐVQL	TKS: Tự kiểm soát TCTT: Kiểm soát của TC tập thể ĐVQL: Kiểm soát của đơn vị quản lý	Tần suất tối thiểu	Người thực hiện kiểm soát	Phương pháp kiểm soát	Tài liệu đối chứng Tài liệu chứng thực
				Chuyên gia, Lấy mẫu khi cần thiết (liên quan đến chất lượng).			chuyên gia, phân tích	
			ĐVQL	Kiểm tra Quan sát, ý kiến tổ kiểm soát, hội đồng đánh giá, phiếu kết quả	30% các nhà SX/năm	Đơn vị kiểm soát/chuyên gia	Quan sát, Hồ sơ, Phiếu kết quả	

